

Số: 29/KSLC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán bán niên năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: LCM
- Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0214.383.0036 Fax:
- Email: khoangsanlaocai86@gmail.com
- Website: <https://khoangsanlaocai.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2024:
☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán bán niên năm 2024):

☒ Có

☐ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2024 tại đường dẫn: <https://khoangsanlaocai.vn/>

Đại diện tổ chức

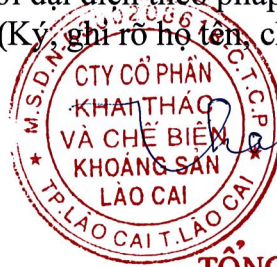
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC

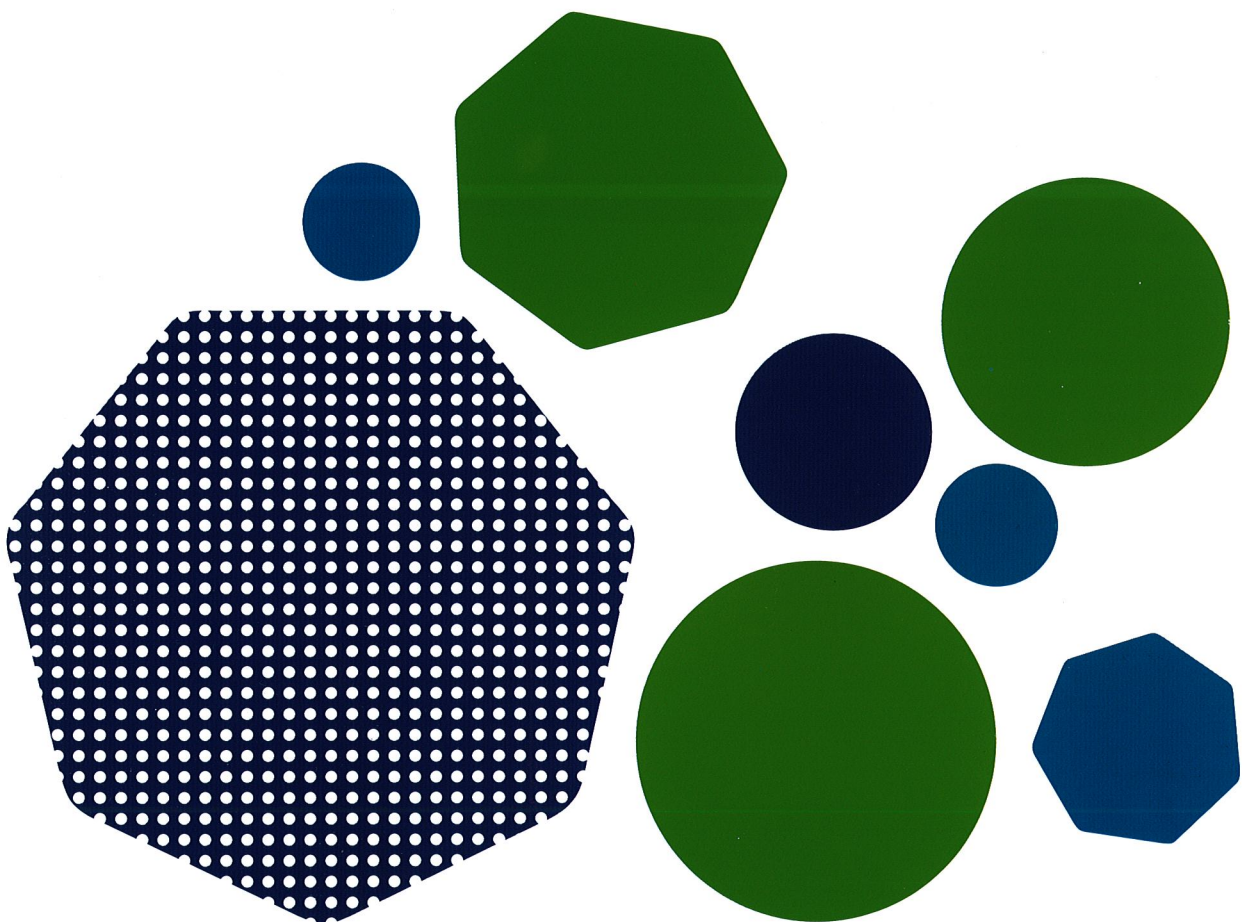
- Văn bản giải trình



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Thịnh





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Ngô Trường An	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên
Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trường An	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện trước Pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Đức Thắng.

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Hoa.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Số: 454/2024/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Khai thác
và Chế biến Khoáng sản Lào Cai
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024*

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Chúng tôi cũng không tiếp cận được báo cáo tài chính của Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 24,145 tỷ VND và của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 23,769 tỷ VND. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về giá trị thuần của khoản đầu tư cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2024 của Công ty.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu về cho vay các cá nhân bằng tiền mặt không có tài sản đảm bảo với giá trị gốc và lãi tại ngày 30/06/2024 lần lượt là 55,129 tỷ VND và 1,266 tỷ VND. Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty hay không.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2024, trong khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" đang ghi nhận tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 31.500.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là có khả năng thu hồi và không gây ảnh hưởng đến tổn thất tài sản của công ty. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng không đánh giá được tính hợp lý, mục đích sử dụng cũng như khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng nêu trên.

Tại ngày 30/06/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 133,857 tỷ VND. Đồng thời Dự án khai thác quặng vàng tại huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ/UBND ngày 12/11/2009 của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực và chưa được gia hạn. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận" nêu trên, tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

Kết luận ngoại trừ

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Hoàng Đình Hải

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2282-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.031.327.962	42.525.276.289
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	456.082.640	506.637.981
Tiền	111		456.082.640	506.637.981
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.757.674.725	40.122.452.099
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.101.141.336	5.099.981.976
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		799.964.407	799.964.407
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	32.856.568.982	34.222.505.716
Hàng tồn kho	140	9	107.900.000	107.900.000
Hàng tồn kho	141		107.900.000	107.900.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.709.670.597	1.788.286.209
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.709.670.597	1.788.286.209
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.203.350.509	97.492.316.732
Các khoản phải thu dài hạn	210		55.300.177.000	41.300.177.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	55.129.000.000	41.129.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	171.177.000	171.177.000
Tài sản cố định	220		1.954.141.928	2.243.108.151
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.954.141.928	2.243.108.151
- Nguyên giá	222		15.198.828.192	15.198.828.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.244.686.264)	(12.955.720.041)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.034.365.131	6.034.365.131
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	6.034.365.131	6.034.365.131
Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.914.666.450	47.914.666.450
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	47.914.666.450	47.914.666.450
TỔNG TÀI SẢN	270		152.234.678.471	140.017.593.021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		28.973.046.363	17.713.968.921
Nợ ngắn hạn	310		28.973.046.363	17.713.968.921
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	23.127.132.029	11.888.214.587
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		355.042.240	355.042.240
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	431.545.116	431.545.116
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	33.020.000	12.860.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	2.230.000.000	2.230.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.796.306.978	2.796.306.978
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.261.632.108	122.303.624.100
Vốn chủ sở hữu	410	16	123.261.632.108	122.303.624.100
Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.910.000)	(1.910.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.796.306.978	2.796.306.978
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(133.857.876.454)	(134.773.923.533)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(134.773.925.333)	(137.900.081.576)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		916.048.879	3.126.158.043
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.849.788.919	2.807.827.990
TỔNG NGUỒN VỐN	440		152.234.678.471	140.017.593.021

Lào Cai, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	12.145.207.385	5.932.486.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.145.207.385	5.932.486.000
Giá vốn hàng bán	11	18	11.154.279.199	5.339.237.400
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		990.928.186	593.248.600
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.073.652.512	1.105.547.754
Chi phí tài chính	22	20	4.781.619	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	713.945.377	1.315.610.582
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.345.853.702	383.185.772
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	22	387.843.894	-
Lợi nhuận khác	40		(387.843.894)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		958.009.808	383.185.772
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		958.009.808	383.185.772
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		916.048.879	374.312.475
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		41.960.929	8.873.297
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	37	15
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	23	37	15

Lào Cai, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 30 tháng 6 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		958.009.808	383.185.772
Điều chỉnh cho các khoản			-	
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		288.966.223	418.277.037
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(1.073.652.512)	(1.105.547.754)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		173.323.519	(304.084.945)
Tăng,giảm các khoản phải thu	09		(7.426.252.676)	13.324.965.991
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	(72.467.900)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.259.077.442	1.635.268.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.006.148.285	14.583.681.944
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.500.000.000)	(14.629.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.500.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.943.296.374	2.548
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.056.703.626)	(14.628.997.452)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(50.555.341)	(45.315.508)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	506.637.981	461.339.451
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	456.082.640	416.023.943

Lào Cai, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1202000192 cấp lần đầu ngày 18/09/2002, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05/6/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2023 là 246.330.000.000 đồng chia thành 24.633.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác quặng kim loại quý hiếm.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con			
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	95,00%	95,00%	Khai thác quặng kim loại không chứa sắt
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường xanh Bình Thành	33,25%	35,00%	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 của Công ty mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.4 GIẢ THIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại 30/06/2024 lỗ lũy kế của công ty là 133.857.876.454 VND, tương ứng 54,3% vốn chủ sở hữu. Đồng thời Dự án khai thác quặng vàng tại huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ/UBND ngày 12/11/2009 của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực và đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa được gia hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của công ty ở mức cầm chừng, lợi nhuận gộp thấp chưa đủ bù đắp các chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới hiệu quả hơn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa Công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp hoặc gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn góp thực thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành 1 chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào các khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các Công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con. Khi chính sách kế toán của Công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các Công ty con thì Báo cáo tài chính của Công ty liên kết sẽ có các điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các Công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các Công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

Trong trường hợp một Công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh

chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được

tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05
- Máy móc, thiết bị	03 - 07
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí thực hiện các dự án.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	449.126.474	502.350.598
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.956.166	4.287.383
Cộng	456.082.640	506.637.981

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo PP VCSH	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo PP VCSH
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	47.950.000.000	47.914.666.450	47.950.000.000	47.914.666.450
+ Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	24.150.000.000	24.145.465.329	24.150.000.000	24.145.465.329
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường xanh Bình Thành	23.800.000.000	23.769.201.121	23.800.000.000	23.769.201.121
Cộng	47.950.000.000	47.914.666.450	47.950.000.000	47.914.666.450

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2024. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành	Số nhà 95, đường Lê Hồng Phong, tổ 22, phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	33,25%	35,00%	Dịch vụ xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

30/06/2024		01/01/2024	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
5.101.141.336	-	5.099.981.976	-
4.888.141.336	-	4.886.981.976	-
165.000.000	-	165.000.000	-
48.000.000	-	48.000.000	-
5.101.141.336	-	5.099.981.976	-

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng sạch Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Nam Khánh
- Các khoản phải thu khách hàng khác

Cộng

7. PHẢI THU KHÁC

30/06/2024		01/01/2024	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
32.856.568.982	-	34.222.505.716	-
3.500.000.000	-	8.500.000.000	-
28.000.000.000	-	15.500.000.000	-
32.260.274	-	9.342.611.111	-
1.234.678.577	-	793.971.602	-
89.630.131	-	85.923.003	-
171.177.000	-	171.177.000	-
171.177.000	-	171.177.000	-
33.027.745.982	-	34.393.682.716	-

Ngắn hạn

- Tạm ứng Công nhân viên công ty mẹ
- Tạm ứng Công nhân viên công ty con
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay tại công ty mẹ
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay tại công ty con
- Các khoản phải thu khác

Dài hạn

- Ký cược, ký quỹ

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Dài hạn	55.129.000.000	-	41.129.000.000	-
- Nguyễn Thị Hoàng Thảo	-	-	9.000.000.000	-
- Nguyễn Thị Tuyền	-	-	5.500.000.000	-
- Phạm Thị Hương	-	-	7.000.000.000	-
- Nguyễn Văn Phong	-	-	5.000.000.000	-
- Nguyễn Tiến Thịnh (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Tiến Đạt (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thọ Tiền (*)	6.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Mỹ Nương (*)	8.000.000.000	-	-	-
- Hồ Thị Bích Ly (*)	5.500.000.000	-	-	-
- Trịnh Thị Ngọc Châu (*)	6.000.000.000	-	-	-
- Trương Thị Thúy Hà (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Ông Vũ Chí Đức (**)	14.629.000.000	-	14.629.000.000	-
Cộng	55.129.000.000	-	41.129.000.000	-

(*) Phải thu về cho vay các cá nhân với lãi suất 3%/ năm, thời hạn cho vay 24 tháng, không có tài sản đảm bảo, cho vay bằng tiền mặt.

(**) Phải thu về cho vay các cá nhân của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình với lãi suất 4-6%/ năm, thời hạn cho vay là 18 tháng, mục đích: Cung cấp nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	107.900.000	-	107.900.000	
Cộng	107.900.000	-	107.900.000	-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2024	7.708.302.406	6.435.920.153	963.104.633	91.501.000	15.198.828.192
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại 30/06/2024	7.708.302.406	6.435.920.153	963.104.633	91.501.000	15.198.828.192

HAO MÒN LŨY KẾ

Tại 01/01/2024	(6.277.194.255)	(5.623.920.153)	(963.104.633)	(91.501.000)	(12.955.720.041)
- Khấu hao trong kỳ	(167.166.223)	(121.800.000)	-	-	(288.966.223)
Tại 30/06/2024	(6.444.360.478)	(5.745.720.153)	(963.104.633)	(91.501.000)	(13.244.686.264)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2024	1.431.108.151	812.000.000	-	-	2.243.108.151
Tại 30/06/2024	1.263.941.928	690.200.000	-	-	1.954.141.928

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 9.686.057.815 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	23.127.132.029	23.127.132.029	11.888.214.587	11.888.214.587
- Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Phạm Quân	2.667.918.384	2.667.918.384	-	-
- Công ty TNHH Nội thất Tây Bắc Việt Nam	3.571.400.160	3.571.400.160	-	-
- Công ty CP XD TH Công nghệ xanh	3.564.649.847	3.564.649.847	-	-
- Công ty TNHH Vận tải và Thương mại tổng hợp Tiến Dũng	2.097.892.553	2.097.892.553	2.097.892.553	2.097.892.553
- Công ty TNHH Thương mại Trần Văn Trường	2.097.048.000	2.097.048.000	2.097.048.000	2.097.048.000
- Công ty TNHH XD và vận tải Hà Lào	6.428.166.480	6.428.166.480	5.732.486.640	5.732.486.640
- Hợp tác xã Tơ Tầm Sơn Lương	664.592.366	664.592.366	664.592.366	664.592.366
- Hợp tác xã Môi trường xanh Chấn Thịnh	-	-	849.775.829	849.775.829
- Các đối tượng khác	2.035.464.239	2.035.464.239	446.419.199	446.419.199
Cộng	23.127.132.029	23.127.132.029	11.888.214.587	11.888.214.587

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000
- Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam (*)	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Cộng	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000

(*) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/LCM-BVVN ngày 13/12/2023 giữa Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam và Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai. Số tiền vay là 2.230.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh, không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	6.034.365.131	6.034.365.131
<i>Dự án khai thác vàng tại Hòa Bình</i>	<i>6.034.365.131</i>	<i>6.034.365.131</i>
Cộng	6.034.365.131	6.034.365.131

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	431.545.116	431.545.116
- Chi phí khác	431.545.116	431.545.116
Cộng	431.545.116	431.545.116

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	33.020.000	12.860.000
- Kinh phí công đoàn	12.860.000	12.860.000
- Bảo hiểm xã hội	20.160.000	-
Cộng	33.020.000	12.860.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tại 01/01/2023	246.330.000.000		(1.910.000)		5.145.322.665		2.796.306.978		(137.900.083.376)		2.688.986.761		119.058.623.028	
- Lãi trong năm trước	-		-		-		-		3.126.158.043		118.841.229		3.244.999.272	
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-		-		-		-		1.800		-		1.800	
- Giảm khác	-		-		-		-		-		-		-	
Tại 31/12/2023	246.330.000.000		(1.910.000)		5.145.322.665		2.796.306.978		(134.773.923.533)		2.807.827.990		122.303.624.100	
Tại 01/01/2024	246.330.000.000		(1.910.000)		5.145.322.665		2.796.306.978		(134.773.923.533)		2.807.827.990		122.303.624.100	
- Lãi trong kỳ	-		-		-		-		916.048.879		41.960.929		958.009.808	
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-		-		-		-		(1.800)		-		(1.800)	
Tại 30/06/2024	246.330.000.000		(1.910.000)		5.145.322.665		2.796.306.978		(133.857.876.454)		2.849.788.919		123.261.632.108	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	246.330.000.000	246.330.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

16.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.633.000	24.633.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.633.000	24.633.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.633.000	24.633.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	191	191
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	191	191
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.632.809	24.632.809
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	24.632.809	24.632.809
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

16.4 CÁC QUỸ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.145.322.665	5.145.322.665
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.796.306.978	2.796.306.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu	12.145.207.385	5.932.486.000
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.145.207.385	5.932.486.000
Cộng	12.145.207.385	5.932.486.000

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	11.154.279.199	5.339.237.400
Cộng	11.154.279.199	5.339.237.400

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.073.652.512	1.105.547.754
Cộng	1.073.652.512	1.105.547.754

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí tài chính khác	4.781.619	-
Cộng	4.781.619	-

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	713.945.377	1.315.610.582
- Chi phí nhân viên quản lý	632.788.800	557.490.800
- Chi phí vật liệu quản lý	-	231.480.907
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	-	418.277.037
- Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	108.361.838
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.156.577	-
Cộng	713.945.377	1.315.610.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

22. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí khác	387.843.894	-
Cộng	387.843.894	-

23. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	916.048.879	374.312.475
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	24.632.809	24.632.809
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	37	15

24. THÔNG TIN KHÁC

24.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các bên liên quan

(Đơn vị tính: VND)

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm sát
*Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như
sau*

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thu nhập của các thành viên Ban giám đốc		
Ông Nguyễn Đức Thắng	48.000.000	48.000.000
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Hoàng Quốc Tùng	30.000.000	30.000.000
Cộng	78.000.000	78.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

24.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đã được soát xét.

Lào Cai, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa

Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Thắng

